

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018
huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét đề nghị của UBND huyện Đạ Huoai tại Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 15/01/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 56/TTr-STNMT ngày 29/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Đạ Huoai với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch theo Phụ lục 1.
2. Kế hoạch thu hồi các loại đất theo Phụ lục 2.
3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất theo Phụ lục 3.

(Chi tiết theo Báo cáo thuyết minh tổng hợp và bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Đạ Huoai đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Đạ Huoai có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Đạ Huoai và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- TTHU, TTHĐND huyện Đạ Huoai;
- Phòng TN&MT huyện Đạ Huoai;
- Phân viện QH&TKNN Miền Trung;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐC, XD₂, LN, TKCT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính									
				Thị trấn Madaguôi	Thị trấn Đạ M'ri	Xã Đạ M'ri	Xã Hà Lâm	Xã Đạ Tồn	Xã Đạ Oai	Xã Madaguôi	Xã Đạ Ploa	Xã Đoàn Kết	Xã Phước Lộc
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	720,51	38,42	61,06	40,70	99,53	94,96	80,88	25,46	108,07	65,30	106,13
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	25,86	3,40				21,41				1,05	
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,48			0,28		1,00					0,20
3	Đất chưa sử dụng		494,85	23,98	77,74	50,40	46,21	39,36	0,26	2,92	27,27	128,09	98,62

Phụ lục 2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2018

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Thị trấn Madaguôi	Thị trấn Đạ M'ri	Xã Đạ M'ri	Xã Hà Lâm	Xã Đạ Tồn	Xã Đạ Oai	Xã Madaguôi	Xã Đạ Ploa	Xã Đoàn Kết	Xã Phước Lộc
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
A	Tổng diện tích thu hồi (A=1+2)		340,88	15,45	7,70	19,95	0,84	97,27	36,06	16,24	38,42	10,86	98,09
1	Đất nông nghiệp	NNP	335,98	15,12	7,30	19,95	0,84	97,02	34,96	16,11	37,03	9,56	98,09
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2,96	2,57				0,31		0,08			
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7,18					3,46	3,58	0,14			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	187,72	8,94	7,30	19,95	0,84	43,03	31,38	14,06	35,67	8,15	18,40
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	136,78	3,61				50,22		0,49	1,36	1,41	79,69
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,34							1,34			
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4,90	0,33	0,40			0,25	1,10	0,13	1,39	1,30	
2.1	Đất phát triển hạ tầng	DHT	0,17		0,17								
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,37					0,14	1,10	0,13			
2.3	Đất ở tại đô thị	ODT	0,46	0,23	0,23								
2.4	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,21	0,10				0,11					
2.5	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2,69								1,39	1,30	

Phụ lục 8: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Thị trấn Madaguoi	Thị trấn Đạ M'ri	Xã Đạ M'ri	Xã Hà Lâm	Xã Đạ Tồn	Xã Đạ Oai	Xã Madaguoi	Xã Đạ Ploa	Xã Đoàn Kết	Xã Phước Lộc
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	529,84	23,05	13,41	20,85	4,44	205,67	81,17	24,36	46,82	10,64	99,43
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	2,96	2,57				0,31		0,08			
	<i>Trong đó: đất chuyên lúa nước</i>	LUC/PNN											
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	7,62					3,60	3,88	0,14			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	264,57	16,27	13,41	20,85	4,44	43,21	77,29	14,67	45,46	9,23	19,74
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	253,35	4,21				158,55		8,13	1,36	1,41	79,69
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	1,34							1,34			
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		5,60	2,00					0,10	3,50			
	<i>Trong đó:</i>												
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	5,60	2,00					0,10	3,50			